

TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ 356 /TB-KĐ3
Ngày: 17-03-2021
Chức vụ: DONIK
Số và lý lịch HS: Căn cứ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;


Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Mục 3. Powdered Enzyme TY-MT Chế phẩm dùng xử lý vải dệt (25kg/bao), dạng bột, hàng mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103794781161/A12 ngày 19 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Hóa Chất TAI YANG Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Khu công nghiệp Việt Hương - Cục Hải quan Tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 02/HQVH ngày 22 tháng 01 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 162/KĐ3-NV ngày 28 tháng 01 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Đào Thị Hồng Châu
8. **Kết quả phân tích:** Chế phẩm chứa enzyme cellulase, dạng bột.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3507.90.00
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 8714/TB-TCHQ ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3


Nguyễn Thị Thanh Phượng

TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ QUẢN 58 /TB-KĐ3
Số: M018
Ngày: 17-03-2021
Chức vụ: ĐNK
Số và họ tên HS: m

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

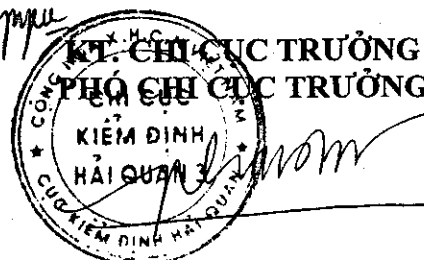
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Bột gia vị GRILLIN GB (để tạo mùi, hương vị nướng), 1 thùng=68kg, Hạn dùng: 26/08/2020-26/08/2022, mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103844161520/A12 ngày 18 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Cty Cổ phần Thực phẩm CJ Cầu Tre.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Quản lý hàng đầu tư - Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 45/ĐT-ĐNVĐTKD ngày 23 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 274/KĐ3-NV ngày 23 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Lê Thị Sợi.
8. **Kết quả phân tích:** Chế phẩm hương liệu dùng trong chế biến thực phẩm, có thành phần hỗn hợp các chất tạo hương, muối natri clorua, dextrin, silic dioxit, dạng bột.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 2106.90.98
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 4050/TB-TCHQ ngày 06 tháng 05 năm 2015 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phượng

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TỔNG CỤC HẢI QUAN / TB-KĐ3
Số: 359 / TB-KĐ3
Ngày: 17-03-2021
Chức vụ: DNIC
SCT và lý lịch DS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

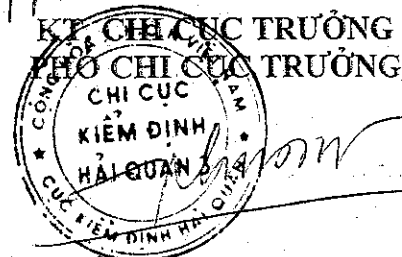
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Nguyên liệu sản xuất dùng trong nhà máy chế biến thịt: Bột hương nutmeg FP-9271 (dùng để sản xuất xúc xích) (Nutmeg flavour powder FP-9271) (20 kg/thùng).
2. Tờ khai hải quan: Số 103856511950/A12 ngày 24 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty CP Chăn Nuôi C.P Việt Nam - Chi Nhánh 3 Tại TP Hồ Chí Minh.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Quản lý hàng đầu tư - Cục Hải quan Tp. Hồ Chí Minh.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 52/ĐT-ĐNVĐTKD ngày 01 tháng 3 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 322/KĐ3-NV ngày 02 tháng 3 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Lê Thị Sợi.
8. **Kết quả phân tích:** Chế phẩm dùng để tạo hương và vị dùng trong chế biến thực phẩm, có thành phần hỗn hợp các chất tạo hương, muối natri clorua, chất mang silic dioxit, dạng bột.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 2106.90.98.
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 4010/TB-TCHQ ngày 05 tháng 05 năm 2015 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu phân tích.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2021

Số: 361/TB-KĐ3

TỔNG CỤC HẢI QUAN

Ngày: 17-03-2021

Cục trưởng: DONIC

Trưởng Chi cục: TS

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

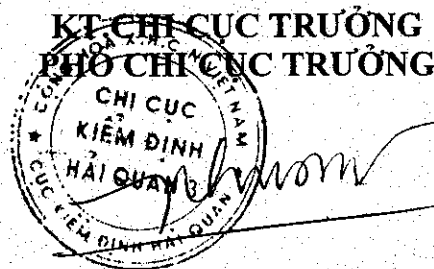
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103840726142/A12 ngày 17 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Yung chi paint và Vanish MFG VN.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Long Bình Tân - Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 18/PTPL-LBT ngày 20 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 303/KĐ3-NV ngày 26 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Phương Thúy
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: Theo phụ lục đính kèm.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL



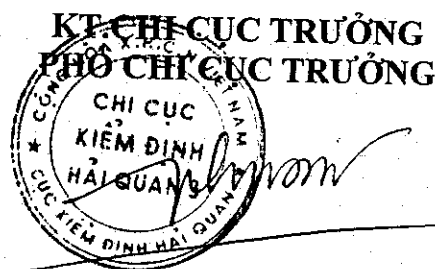
Nguyễn Thị Thanh Phương

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 364 /TB-KĐ3, ngày 11 tháng 03 năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 17: Chế phẩm chứa chất hữu cơ hoạt động bề mặt HUMECTANT GRB3 Wetting Agent;	Chất hữu cơ hoạt động bề mặt không phân ly, dạng lỏng, chưa đóng gói bán lẻ.	3402.13.90	Số 4211/TB-TCHQ ngày 18 tháng 04 năm 2014.
2	Mục 20: Chất hữu cơ hoạt động bề mặt ZETASPERSE 3600 Surface Active Agent.	Chế phẩm hoạt động bề mặt anion và không ion, dạng lỏng, chưa đóng gói bán lẻ.	3402.90.19	Số 1405/TB-TCHQ ngày 19 tháng 03 năm 2018.



Nguyễn Thị Thanh Phượng

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **362** /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày...**12**...tháng...**03**...năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
Số:
Ngày:	17-03-2021
Chức vụ:	PNK
Số và lý lịch HS:

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

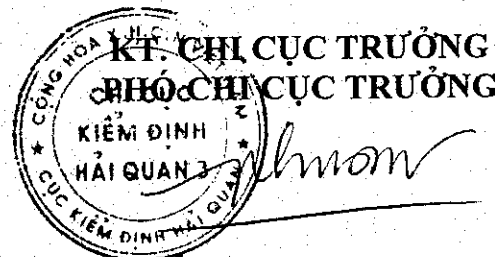
Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103811765151/A12 ngày 27 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty Cổ Phần Liwayway Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Quản lý hàng XNK ngoài KCN - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 42/NKCN ngày 18 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 260/KĐ3-NV ngày 22 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Bích Tuyền
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: Theo phụ lục đính kèm.

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



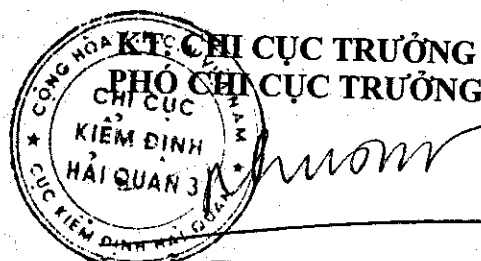
Nguyễn Thị Thanh Phương

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 362 /TB-KĐ3, ngày 12 tháng 03 năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Màng VMPET FILM (Poly etylen terephtalat), chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt (không in hình in chữ) 10mic*1150m m*12000m (nguyên liệu sản xuất bao bì)	Màng plastic từ poly(etylen terephtalat) đã được phủ một mặt bằng lớp bột kim loại mỏng có thành phần chủ yếu là bột nhôm và kẽm (metalized), không xốp, không tự dính, chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa kết hợp tương tự với các vật liệu khác, chưa in hình in chữ. Kích thước mẫu: rộng 1150 mm, bề dày 10 micron.	3920.62.90	Số 2034/TB-TCHQ 30/03/2020
2	Mục 2: Màng VMPET FILM (Poly etylen terephtalat), chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt (không in hình in chữ) 10mic*1220m m*12000m (nguyên liệu sản xuất bao bì)	Màng plastic từ poly(etylen terephtalat) đã được phủ một mặt bằng lớp bột kim loại mỏng có thành phần chủ yếu là bột nhôm và kẽm (metalized), không xốp, không tự dính, chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa kết hợp tương tự với các vật liệu khác, chưa in hình in chữ. Kích thước mẫu: rộng 1220 mm, bề dày 10 micron.	3920.62.90	Số 2034/TB-TCHQ 30/03/2020



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích

Số: **363** /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày...**12**...tháng...**03**...năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Ngày: 17-03-2021
Chuyên viên: PNIC
Số: 363 /TB-KĐ3

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

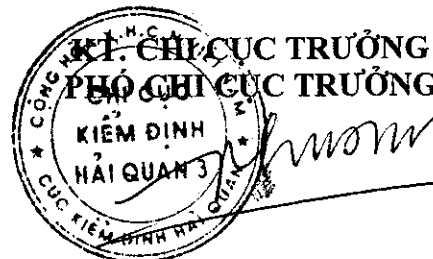
Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27/6/2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Mục 1: Nguyên liệu dùng trong sản xuất: Hợp kim INOCULANT (SIBA01-CAS:8049-17-0) kích thước từ 0,1-0,4mm, Thành phần (Silicon 60-77%; Barium 1-4%; Calcium 1-4%; Aluminium Max 1.5; Manganese Max 0.3, hàng mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103836090412/A12 ngày 06/02/2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty TNHH CASTEC VINA.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ KCN Mỹ Phước - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 20/MP-PTPL ngày 20/02/2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 308/KĐ3-NV ngày 26/02/2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Lê Việt Quân.
8. **Kết quả phân tích:** Hợp kim fero - silic, có hàm lượng Silic trên 55% tính theo trọng lượng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: **7202.21.00** (Phân loại theo Thông báo kết quả phân loại số 933/TB-TCHQ ngày 24/01/2014 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 364/TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày...12...tháng...03...năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Ngày: 17-03-2021
Chức vụ: <i>ĐKK</i>
Số và họ tên: <i>m</i>

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Vải dệt thoi có tỷ trọng sợi filament polyeste 97% đã tẩy trắng, đã nhuộm, dạng cuộn dùng để bọc ghế sofa, Khổ 55inch, định lượng 272g/m², hàng mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103788692712/A12 ngày 18 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty Một Thành Viên Niệm Tinh Thành.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Sóng Thần - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 04/PYCPT-HQST ngày 25 tháng 01 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 169/KĐ3-NV ngày 28 tháng 01 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Hương Giang.
8. **Kết quả phân tích:** Sản phẩm dệt, dạng cuộn, khổ 142 cm, trọng lượng 425 g/m², chưa được ngâm tẩm hay tráng phủ bề mặt với vật liệu khác, có cấu tạo gồm: Lớp vải dệt thoi từ các sợi có màu khác nhau (chiếm 73,7% trọng lượng), đóng vai trò là lớp chính, thành phần gồm xơ staple polyeste và filament polyeste, trong đó: tỷ trọng xơ staple polyeste vượt trội so với filament polyeste và nhỏ hơn 85%; được ép dán một mặt với lớp sản phẩm không dệt màu đen từ polyeste (chiếm 26,3% trọng lượng).

9. Mã số theo Biểu thể XNK: 5515.12.00

(Phân loại theo Thông báo kết quả phân loại số 296/TB-TCHQ ngày 18/01/2018 của Tổng Cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



Nguyễn Phương Nhi

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TỔNG CỤC HẢI QUAN SỐ 366 /TB-KĐ3
Ngày: 17-03-2021
Quyển: <i>Donik</i>
Số về lý lịch HS: <i>Donik</i>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Dầu khoáng chứa hàm lượng từ 70% trở lên có nguồn gốc từ dầu mỏ đã qua tinh chế dùng làm nguyên liệu sản xuất dầu nhớt ESOL N8S, CAS: 64742-55-8, hàng mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103845873611/A12 ngày 18 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Kỹ Thuật I & U.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan CK Cảng Phú Mỹ - Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 227/HQPM-PSA ngày 22 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 309/KĐ3-NV ngày 26 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Ngọc Cường
8. **Kết quả phân tích:** Dầu khoáng đã tinh chế để sản xuất dầu bôi trơn có chứa trên 70% khối lượng dầu khoáng có nguồn gốc từ dầu mỏ.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 2710.19.41
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 8052/TB-TCHQ ngày 27 tháng 06 năm 2014 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT; KĐ3.HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN	567
Ngày: 17-03-2021	
Chức vụ: ANK	
Số và lý lịch HS: Căn cứ	

/TB-KĐ3

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103740476452/A12 ngày 23 tháng 12 năm 2020.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH JDT Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải Quan Khu Công Nghiệp Mỹ Phước - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 07/MP-PTPL ngày 20 tháng 01 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 119/KĐ3-NV ngày 21 tháng 01 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Ngọc Cường.
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: Theo phụ lục đính kèm. *mpu*

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3, HSPTPL.

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Phượng

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số 367 /TB-KĐ3, ngày 12 tháng 03 năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Chất tẩy rửa ME-1085-9-30 dạng lỏng dùng để làm sạch bề mặt vải, chứa Dimethylformamide (C ₃ H ₇ NO) CAS no. 68-12-2; Ethylacetate (C ₄ H ₈ O ₂) CAS no. 141-78-6. Mới 100%	Dung dịch polyurethan trong dung môi hữu cơ, hàm lượng dung môi lớn hơn 50% tính theo trọng lượng dung dịch.	3208.90.90	Số 2290/TB-TCHQ ngày 18 tháng 03 năm 2015
2	Mục 2: Chất tẩy rửa Y-0209 CLEAR dạng lỏng để làm sạch bề mặt vải, gồm Dimethylformamide. CAS: 68-12-2; Ethylacetate. CAS: 141-78-6; Silica. CAS: 7631-86-9; Toluene. CAS: 108-88-3; Methyl ethyl ketone. CAS: 78-93-3. Mới 100%	Dung dịch polyurethan trong dung môi hữu cơ, hàm lượng dung môi lớn hơn 50% tính theo trọng lượng dung dịch.	3208.90.90	Số 2290/TB-TCHQ ngày 18 tháng 03 năm 2015
3	Mục 3: Chất tẩy rửa NE-8875-30MF-30 dạng lỏng dùng để làm sạch bề mặt vải, chứa: Dimethylformamide (C ₃ H ₇ NO, CAS: 68-12-2). Mới 100%	Dung dịch polycarbonat polyol trong dung môi hữu cơ, hàm lượng dung môi lớn hơn 50% tính theo trọng lượng dung dịch.	3208.90.90	Số 6186/TB-TCHQ ngày 05 tháng 07 năm 2016
4	Mục 4: Nhựa A-0640-55 dạng lỏng (để dán màng chống thấm với vải lại)	Dung dịch polyacrylic trong dung môi hữu cơ	3208.20.90	Số 10327/TB-TCHQ ngày 19 tháng 08

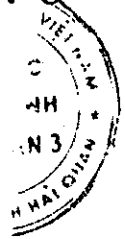
Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

	với nhau), tp gồm: Polyurethane , Dimethylformamide(C3 H7NO); Ethylacetate(C4H8O2);T oluene(C6H5CH3/C7H8). Mới 100%	cơ, hàm lượng dung môi lớn hơn 50% tính theo trọng lượng dung dịch.		năm 2014
--	--	---	--	----------

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thanh Phượng



Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **368** /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng 3 năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐẾN: CÁ:
Ngày: 17-03-2021	
Chuyên: DNIC
Số và lý lịch HS: HS	Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

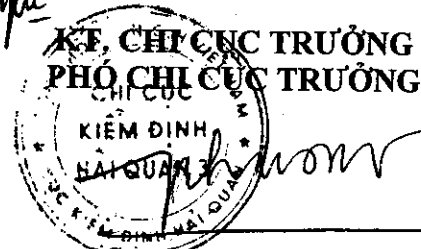
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Keo nước (mã hiệu: Taksil 8035, Green). P/N: 036176. Hiệu: H.B. Fuller, dùng trong thiết bị lên cuộn của hệ thống sản xuất giấy (20 lít/thùng). Mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103815234941/A12 ngày 29 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH CHENG LOONG Bình Dương PAPER.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Khu công nghiệp Mỹ Phước - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 14/MP-PTPL ngày 02 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 234/KĐ3-NV ngày 08 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Ngô Thị Thùy Linh.
8. **Kết quả phân tích:** Chất kết dính làm từ polyme tổng hợp, dạng lỏng, đóng gói 20 lit/thùng.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: 3506.91.00
(Phân loại trên cơ sở Thông báo kết quả phân loại số 5160/TB-TCHQ ngày 06 tháng 06 năm 2016 của Tổng cục Hải quan).

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



Nguyễn Thị Thanh Phượng

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: 369 /TB-KĐ3	
TỔNG CỤC HẢI QUAN	
ĐỀ TÀI SỐ:
Ngày: 17-03-2021	
Chuyên: NKK	Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số và ký hiệu: HS	

TP. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng **03** năm 2021

THÔNG BÁO

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;
Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo về kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

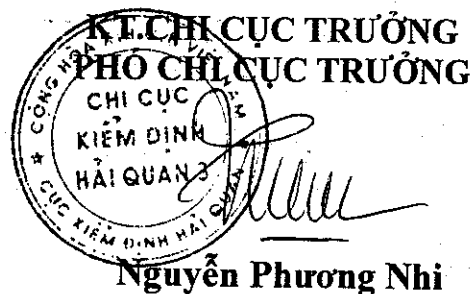
1. Tên mẫu theo khai báo: Bông thô (Xơ Bông) - TOGO RAW COTTON - CROP YEAR 2019/2020 , Xơ bông chưa chải thô hoặc chưa chải kỹ (Bông thiên nhiên) đã giám định, mới 100%.
2. Tờ khai hải quan: Số 103854900442/A12 ngày 23 tháng 02 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Dệt May Thiên An Thịnh.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục HQ Long Thành - Cục Hải quan tỉnh Đồng Nai.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 21/PTPL-NV2 ngày 01 tháng 3 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 340/KĐ3-NV ngày 05 tháng 3 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Nguyễn Thị Hương Giang.
8. **Kết quả phân tích:** Xơ bông, chưa chải thô hoặc chưa chải kỹ.

9. Mã số theo Biểu thể XNK: 5201.00.00

(Phân loại theo Thông báo KQPL số 9895/TB-TCHQ ngày 07/08/2014 của
TCHQ)

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3.HSPTPL.



Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.

Số: **371** /TB-KĐ3

TP. Hồ Chí Minh, ngày **12** tháng **03** năm 2021

TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 10978
Ngày: 17-03-2021
Chuyên viên: ĐONIC
Số và lý lịch HS: Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

THÔNG BÁO
Về kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

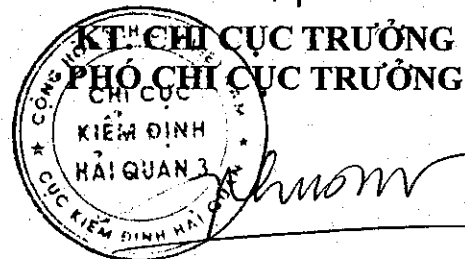
Căn cứ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30/01/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Chi cục Kiểm định Hải quan 3 thông báo kết quả phân tích đối với mẫu hàng hóa như sau:

1. Tên mẫu theo khai báo: Theo phụ lục đính kèm.
2. Tờ khai hải quan: Số 103787725534/A12 ngày 20 tháng 01 năm 2021.
3. Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH APEX MATERIAL INDUSTRIAL Việt Nam.
4. Đơn vị yêu cầu phân tích: Chi cục Hải quan Sóng Thần - Cục Hải quan tỉnh Bình Dương.
5. Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu: Số 09/PYCPT-HQST ngày 04 tháng 02 năm 2021.
6. Phiếu tiếp nhận mẫu: Số 226/KĐ3-NV ngày 05 tháng 02 năm 2021.
7. Chuyên viên thực hiện phân tích: Dương Quốc Hùng
8. **Kết quả phân tích:** Theo phụ lục đính kèm.
9. Mã số phân loại theo Biểu thuế XNK: Theo phụ lục đính kèm. *mmu*

Nơi nhận:

- Tổng cục Hải quan;
- Như Điểm 4;
- Website TCHQ; Website Cục KĐHQ;
- Lưu: VT, KĐ3. HSPTPL.



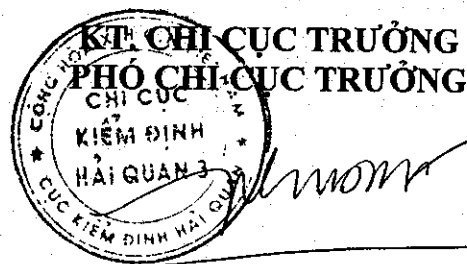
Nguyễn Thị Thanh Phương

CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN 3

Phụ lục

(Kèm theo Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa
Số **371** /TB-KĐ3, ngày **12** tháng **03** năm 2021)

TT	Tên mẫu theo khai báo	Kết quả phân tích	Mã số phân loại theo Biểu Thuế XNK	Phân loại trên cơ sở Thông báo KQPL của TCHQ
1	Mục 1: Chất phụ gia đã điều chế Polyethylene Glycol (PEG400), dạng lỏng, Cas no: 25322-68-3, dùng trong sản xuất bột đá, 225kg/drums, hàng mới 100%	Poly(ethylene glycol) nguyên sinh, dạng lỏng	3907.20.90	Số 1964/TB-TCHQ ngày 27 tháng 02 năm 2014
2	Mục 3: Chất phụ gia đã điều chế TT011 (TYTAN CP-219), dạng lỏng, Cas no: 33485-00-6, dùng trong sản xuất bột đá, 190kg/drums, hàng mới 100%	Chế phẩm hóa học chứa phức chất hữu cơ của titan, axit oleic, 2-propanol, dạng lỏng, dùng trong sản xuất bột đá	3824.99.99	Số 2119/TB-TCHQ ngày 31 tháng 03 năm 2020



Nguyễn Thị Thanh Phương

Ghi chú: Thông báo kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu yêu cầu phân tích.